

ĐỀ ÁN

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I đối với nhà giáo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Đồng Thái năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND xã Đồng Thái)

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;
2. Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;
3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
4. Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;
5. Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;
6. Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;
7. Văn bản số 936/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 11/6/2026 của Cục nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo;
8. Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình;
9. Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức là nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp xã năm 2026;
10. Văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
11. Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Đồng Thái về việc phê duyệt phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Mầm non thuộc UBND xã Đồng Thái; Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Đồng Thái về việc phê duyệt phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Tiểu học thuộc UBND xã Đồng Thái; Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của

UBND xã Đồng Thái về việc phê duyệt phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường THCS thuộc UBND xã Đồng Thái.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là một bước quan trọng gắn liền với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức; đảm bảo cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Để bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức; đồng thời nhằm động viên, khuyến khích viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác và thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức. Sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì việc cơ cấu lại đội ngũ viên chức, đảm bảo yêu cầu năng lực đội ngũ phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị trong tình hình mới là cần thiết.

Phần II

THỰC TRẠNG CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm kịp thời chế độ chính sách cho đội ngũ viên chức, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong toàn xã.
- Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức từ hạng III lên hạng II, hạng II lên hạng I phải căn cứ vào số lượng vị trí việc làm; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; nhu cầu của đơn vị; tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng và các quy định pháp luật khác liên quan;
- Việc tổ chức xét thăng hạng đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

Viên chức nhà giáo đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc xã, đang giữ chức danh nghề nghiệp:

- Giáo viên mầm non hạng III (Mã số V.07.02.26) có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng II (Mã số V.07.02.25) quy định tại Điều 3, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT;
- Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng I (V.07.02.24) quy định tại Điều 4, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT;
- Giáo viên Tiểu học hạng III (V.07.03.29) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng II (V.07.03.28) quy định tại Điều 5, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT;
- Giáo viên Tiểu học hạng II (V.07.03.28) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng I (V.07.03.27) quy định tại Điều 6, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT;

- Giáo viên THCS hạng II (V.07.04.31) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên THCS hạng I (V.07.04.30) quy định tại Điều 8, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT.

III. THỰC TRẠNG CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC XÃ. SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG. SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Thực trạng tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc xã

- Xã Đồng Thái hiện có 09 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc gồm: 03 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường THCS.

Năm 2026, xã được giao 326 biên chế số lượng người làm việc, tính đến 28/6/2026, số lượng người làm việc hiện có của xã là 297 người.

- Cơ cấu, số lượng chức danh nghề nghiệp viên chức theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; cơ cấu, số lượng viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có; số lượng viên chức ứng với các chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu (*theo Phụ lục 1,2*).

- Số lượng viên chức quản lý: 22 người, cụ thể:

+ Cấp Mầm non: 09 người, trong đó: 09 viên chức hạng II;

+ Cấp Tiểu học: 07 người, trong đó: 05 hạng II, 02 hạng III;

+ Cấp THCS: 06 người, trong đó: 06 hạng II.

- Số lượng nhà giáo không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 260 người, cụ thể:

+ Cấp Mầm non: 123 người;

+ Cấp Tiểu học: 74 người;

+ Cấp THCS: 63 người.

2. Số lượng viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

- Viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I: 106 người, trong đó:

+ Viên chức lãnh đạo, quản lý: 14 người

+ Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 92 người

- Viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II: 65 người

+ Viên chức lãnh đạo quản lý: 02 người

+ Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 63 người

2. Số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng của từng chức danh nghề nghiệp viên chức theo từng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc:

- Đối với viên chức quản lý: 02 chỉ tiêu xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II và 16 chỉ tiêu xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I.

- Đối với nhà giáo không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 29 chỉ tiêu xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II, 24 chỉ tiêu xét thăng hạng từ hạng II lên hạng

3. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng

(theo 3 kèm theo)

4. Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng

4.1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật;

không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

4.2. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể

4.2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Giáo viên mầm non hạng III (Mã số V.07.02.26) lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng II (Mã số V.07.02.25) quy định tại Điều 3, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26);

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và tương đương, có 02 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

c) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT;

e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4.2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức Giáo viên mầm non hạng II (Mã số V.07.02.25) lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng I (Mã số V.07.02.24) quy định tại Điều 4, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25);

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

c) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT;

d) Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương;

e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4.2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng từ Giáo viên Tiểu học hạng III (V.07.03.29) lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng II (V.07.03.28) quy định tại Điều 5, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

c) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT;

d) Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT;

e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

4.2.4. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dự xét thăng hạng Giáo viên Tiểu học hạng II (V.07.03.28) lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng I (V.07.03.27) quy định tại Điều 6, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28);

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm

vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

c) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT;

d) Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư Số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương;

e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4.2.5. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng Giáo viên THCS hạng II (V.07.04.31) lên chức danh nghề nghiệp Giáo viên THCS hạng I (V.07.04.30) quy định tại Điều 8, Thông tư 13/2024/TT-BGDĐT

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31);

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

c) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT;

d) Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương;

e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gồm:

1. Văn bản đề nghị xét thăng hạng của đơn vị kèm theo danh sách và hồ sơ viên chức đủ điều kiện tiêu chuẩn dự xét thăng hạng;

2. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng);

4. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức trong các năm liên kế với năm dự xét thăng hạng tương ứng với từng chức danh dự xét thăng hạng (Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hoặc bản photo công chứng Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức của đơn vị);

5. Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

6. Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định chức danh nghề nghiệp khác (nếu có thay đổi chức danh nghề nghiệp trong quá trình công tác) và quyết định nâng lương trong toàn bộ quá trình công tác;

7. Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào 01 bì đựng riêng có kích thước 250x340x5 mm, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác và thành phần hồ sơ bên trong.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Nội dung

Thẩm định việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hình thức: Xét thẩm định hồ sơ.

3. Xác định người trúng tuyển

3.1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

115/2020/NĐ-CP, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

3.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3.3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

4. Thời gian, địa điểm

4.1. Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Từ tháng 7- tháng 8/2026.

4.2. Địa điểm: UBND xã Đồng Thái, thôn Tràng Yên, xã Đồng Thái.

5. Kinh phí tổ chức xét thăng hạng

Kinh phí tổ chức thực hiện trích từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

Lệ phí dự xét thăng hạng được thu theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VI. QUY CHẾ, NỘI QUY TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Thực hiện theo Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức và các văn bản, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (sau đây gọi là Hội đồng) do Chủ tịch UBND xã thành lập. Hội đồng dự kiến 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND xã;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội
- d) Các ủy viên Hội đồng:
 - Lãnh đạo Phòng Kinh tế;
 - Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã;
 - Phó Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội;
 - 01 Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội, là Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- b) Thành lập các bộ phận giúp việc Ban thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;
- c) Tổ chức thu phí xét thăng hạng và sử dụng theo quy định;
- d) Tổ chức xét hồ sơ theo quy chế;
- đ) Báo cáo Chủ tịch UBND xã công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- g) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Phòng Văn hóa – Xã hội: Là cơ quan Thường trực của Hội đồng xét thăng hạng đối với viên chức.

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II, hạng II lên hạng I cho viên chức, tham mưu cho Chủ tịch UBND xã thành lập Hội đồng, Ban Giám sát; tham mưu Hội đồng thành lập Ban Thẩm định hồ sơ.

- Tham mưu UBND xã thông báo kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đến các cơ quan, đơn vị sự nghiệp sau khi Đề án được phê duyệt.

- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ của người dự xét thăng hạng đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng theo quy định. Lập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự xét thăng hạng, không đủ điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ báo cáo Hội đồng theo đúng thời gian quy định.

- Căn cứ vào đề án vị trí việc làm, thực trạng và nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, đối chiếu tiêu chuẩn, điều kiện quy định, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức việc thẩm định hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị đề nghị xét thăng hạng, đảm bảo đúng đối tượng, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý, thực hiện chế độ chính sách đối với những viên chức được thăng hạng trong đợt xét thăng hạng theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cử công chức, viên chức để thực hiện nhiệm vụ và chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết để tổ chức tốt kỳ xét thăng hạng viên chức và chuẩn bị các nhiệm vụ khác (nếu có).

- Lưu trữ tài liệu, giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Niêm yết công khai các Kế hoạch, Thông báo liên quan đến kỳ xét thăng hạng tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) để các viên chức dự xét thăng hạng được biết.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí phòng họp, in ấn tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội hướng dẫn kinh phí xét thăng hạng và sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định (nếu có).

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Chủ tịch UBND xã và Hội đồng xét thăng hạng.

4. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

- Triển khai Đề án này đến toàn thể đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; niêm yết công khai Đề án này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng tải trên website của các đơn vị có nhu cầu xét thăng hạng để viên chức được biết.

- Rà soát vị trí việc làm, tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã và trước Pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng. Việc cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng xét thăng hạng giao trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I đối với nhà giáo các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập xã Đồng Thái năm 2026./.